TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ BẾN TRE	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẾN TRE	

Bản án số: **36** /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2018

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn''

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Ngô Trung Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Lê Tấn T**, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp TN 1, xã TC, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

2. *Bị đơn*: chị **Trần Nguyễn Thùy A**, sinh năm 1991; nơi cư trú: 536B3 khu phố A, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh T trình bày:

Anh và chị A kết hôn năm 2014, hôn nhân do cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PK thành phố BT. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không được hạnh phúc. Mâu thuẫn thường xuyên xảy ra do bất đồng quan điểm mặc dù hai anh chị đã nhiều lần bàn bạc tìm biện pháp giải quyết nhưng

không được. Hai anh chị đã ly thân cách nay 2 năm. Trước Tòa anh xin được ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên Lê Trần Thịnh P, sinh ngày 14/5/2015 Anh đồng ý để chị A được nuôi cháu P. Anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Do anh ở xa nên anh có đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt và cam kết không khiếu nại về sau.

Bị đơn chị A trình bày: Chị thừa nhận lời trình bày của anh T về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau kết hôn hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai anh chị cũng có ngồi bàn bạc tìm hướng giải quyết nhưng không được. Nay chị cũng đồng ý xin được ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên Lê Trần Thịnh P, sinh ngày 14/5/2015 Chị xin được nuôi cháu P và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 08/5/2018 anh Lê Tấn T có đơn xin ly hôn với chị Trần Nguyễn Thùy A, hiện chị A đang sinh sống trên địa bàn thành phố BT nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do ở xa, việc đi lại gặp nhiều khó khăn và cam kết không khiếu nại về sau. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp.

[3] Anh Lê Tấn T và chị Trần Nguyễn Thùy A kết hôn vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại UBND phường PK, thành phố BT, hôn nhân do cả hai tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn thường xuyên xảy ra do bất đồng quan điểm mặc dù hai anh chị đã nhiều lần bàn bạc tìm biện pháp giải quyết nhưng không được. Hai anh chị đã ly thân cách nay 2 năm. Trước Tòa cả hai anh đều xin được ly hôn. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T và chị A.

[4] Về con chung: có 01 cháu tên Lê Trần Thịnh P, sinh ngày 14/5/2015 Chị A xin được nuôi cháu P anh T cũng đồng ý để chị A được tiếp tục nuôi cháu P. Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nghĩ nên ghi nhận

[5] Về tài sản chung: không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[7]*Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng anh T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55; 57; 81; 82; 83; 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Tấn T, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Tấn T và chị Trần Nguyễn Thùy A

- *Về con chung*: chị A được tiếp tục nuôi cháu tên Lê Trần Thịnh P, sinh ngày 14/5/2015. Ghi nhận việc chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: không có

- *Về nợ chung*: Cả hai khai không có nên Tòa không xem xét

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Lê Tấn T phải nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017161 ngày 15/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BT.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND phường PK, TP BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Nguyễn Duy Phong